

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương án điều tra chăn nuôi

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký Quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-TCTK ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2022 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra chăn nuôi.

Phương án điều tra chăn nuôi ban hành theo Quyết định số 570/QĐ-TCTK ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê được thực hiện đến hết tháng 12 năm 2021.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện điều tra đúng Phương án quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTDL (10).



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA CHĂN NUÔI

(Ban hành theo Quyết định số ~~739~~ **739** QĐ-TCTK ngày ~~23~~ **23** tháng ~~6~~ **6** năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra chăn nuôi là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm mục đích thu thập thông tin về tình hình sản xuất chăn nuôi trên phạm vi cả nước phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất chăn nuôi của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

2. Yêu cầu điều tra

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

- Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí cuộc điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra chăn nuôi được thực hiện tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh) thuộc các loại hình kinh tế.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan và vật nuôi khác (ngựa, dê, cừu,...).

3. Đơn vị điều tra

- Doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), tổ chức khác¹ (TCK) có hoạt động chăn nuôi.

- Hộ chăn nuôi.

¹ Tổ chức khác có hoạt động chăn nuôi, bao gồm: các đơn vị sự nghiệp (viện nghiên cứu, trung tâm sản xuất giống,...); các hiệp hội; các tổ chức mà không phải khu vực hộ gia đình.

- Thôn, ấp, bản, tổ dân phố (viết gọn là thôn) có hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Điều tra toàn bộ

Gồm các đơn vị sau:

- DN, HTX, TCK chăn nuôi.
- Thôn có chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác.
- Hộ chăn nuôi quy mô lớn, bao gồm:
 - (1) Hộ nuôi lợn quy mô từ 300 con trở lên.
 - (2) Hộ nuôi trâu quy mô từ 30 con trở lên.
 - (3) Hộ nuôi bò thịt quy mô từ 30 con trở lên.
 - (4) Hộ nuôi bò sữa quy mô từ 20 con trở lên.
 - (5) Hộ nuôi gà quy mô từ 4000 con trở lên.
 - (6) Hộ nuôi vịt quy mô từ 2000 con trở lên.
 - (7) Hộ nuôi ngan quy mô từ 500 con trở lên.

2. Điều tra chọn mẫu

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ chăn nuôi có quy mô nhỏ hơn quy mô nuôi đề cập ở mục III.1 và hộ nuôi vật nuôi khác, bao gồm:

- (1) Các hộ nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt.
- (2) Các hộ nuôi vật nuôi khác (ngoài trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan).
- (3) Các hộ thu hoạch tổ yến.

Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu trình bày chi tiết trong Phụ lục 1

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra là 0h ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7, ngày 01/10.

2. Thời kỳ thu thập thông tin

- (1) Đối với thông tin về lợn, gà, vịt, ngan
 - Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 0h ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7, ngày 01/10 năm điều tra.
 - Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 03 tháng trước thời điểm điều tra.

- (2) Đối với thông tin về trâu, bò và vật nuôi khác
- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 0h ngày 01/01 năm điều tra.
 - Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra (từ ngày 01/01 đến 31/12 năm trước năm điều tra).

3. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin là 15 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

4. Phương pháp điều tra

Điều tra áp dụng hai phương pháp điều tra thu thập thông tin:

a) Thu thập số liệu trực tiếp

Đối với hộ: Điều tra viên đến từng hộ điều tra (hộ điều tra mẫu và hộ điều tra toàn bộ), thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về chăn nuôi của hộ và điền thông tin vào phiếu điều tra điện tử (CAPI).

b) Thu thập số liệu gián tiếp

- Đối với các DN, HTX, TCK: Các đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên Trang điều hành tác nghiệp của điều tra chăn nuôi. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cục Thống kê cấp tỉnh) lập danh sách các đơn vị điều tra; cung cấp tài khoản và mật khẩu để đơn vị đăng nhập vào hệ thống và cung cấp thông tin.

- Đối với thôn điều tra chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác: Trưởng thôn hoặc người được phân công ghi phiếu điều tra căn cứ vào tài liệu, sổ sách hiện có và tình hình chăn nuôi thực tế của các hộ trên địa bàn thôn để nhập thông tin vào phiếu điều tra điện tử (CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin sau:

- Số lượng vật nuôi tại thời điểm điều tra.
- Sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong kỳ điều tra.
- Doanh thu bán sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.
- Giá trị dịch vụ chăn nuôi.
- Tình hình xử lý chất thải chăn nuôi.
- Kết quả hoạt động thu hoạch tổ yến.

2. Phiếu điều tra

Có 06 loại phiếu điều tra được sử dụng trong cuộc điều tra này, bao gồm:

- Phiếu số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm của doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01; 01/4; 01/7; 01/10).

- Phiếu số 02-Q/ĐTCN-HO: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm của hộ (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01; 01/4; 01/7; 01/10).

- Phiếu số 03-N/ĐTCN-THON: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác của hộ trên địa bàn thôn (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 04-N/ĐTCN-DN, HTX: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác của doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 05-N/ĐTCN-HO: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò của hộ (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 06-N/ĐTCN-HM: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi vật nuôi khác; thu hoạch tổ yến của hộ mẫu (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Danh mục và bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

(1) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến 31/12 năm trước năm điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

a. Hoàn thành dữ liệu các phiếu điều tra

- Phiếu điều tra điện tử: Áp dụng mẫu phiếu điều tra số 02-Q/ĐTCN-HO; 03-N/ĐTCN-THON; 05-N/ĐTCN-HO và 06-N/ĐTCN-HM.

Trong quá trình điều tra thực địa, thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu điều tra được công chức thống kê các cấp kiểm tra, duyệt và nghiệm thu số liệu.

- Phiếu điều tra trực tuyến: Áp dụng mẫu phiếu điều tra số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX và 04-N/ĐTCN-DN, HTX.

Sau khi điều tra viên/người cung cấp thông tin hoàn thành điền thông tin trên máy tính, thông tin trên phiếu được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được công chức thống kê các cấp kiểm tra, duyệt, nghiệm thu.

b. Tích hợp vào dữ liệu chung

Dữ liệu điều tra phiếu điện tử; dữ liệu phiếu điều tra trực tuyến được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung điều tra chăn nuôi; được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra

- Tổng hợp và suy rộng đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về số lượng đầu con có tại thời điểm điều tra.

- Tổng hợp và suy rộng đến cấp tỉnh đối với chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.

a. Tổng hợp kết quả điều tra toàn bộ

- Tổng hợp số lượng và sản phẩm chăn nuôi trâu, bò, vật nuôi khác từ phiếu số 03-N/ĐTCN-THON; phiếu số 04-N/ĐTCN-DN, HTX và phiếu số 05-N/ĐTCN-HO (đối với các hộ chăn nuôi quy mô lớn được điều tra toàn bộ quy định ở mục III.1).

- Tổng hợp số lượng và sản phẩm chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan từ phiếu số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX và phiếu số 02-Q/ĐTCN-HO (đối với các hộ chăn nuôi quy mô lớn được điều tra toàn bộ quy định ở mục III.1).

b. Suy rộng kết quả điều tra mẫu

b.1) Suy rộng số đầu con từng loại vật nuôi

Số lượng vật nuôi được suy rộng đến cấp huyện theo từng loại vật nuôi: lợn, gà, vịt, ngan theo từng loại hộ điều tra mẫu (hộ nuôi lợn từ 1 đến 9, từ 10 đến 29; hộ nuôi gà dưới 50 con,...) tại thời điểm điều tra.

Công thức tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi bình} \\ \text{quân 1 hộ mẫu tại} \\ \text{thời điểm điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra của} \\ \text{toàn huyện} \end{array} \quad (1)$$

Trong công thức (1):

- Số vật nuôi bình quân 1 hộ mẫu tại thời điểm điều tra được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi bình} \\ \text{quân 1 hộ mẫu tại} \\ \text{thời điểm điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi của các} \\ \text{hộ mẫu tại thời điểm} \\ \text{điều tra} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{hộ mẫu} \end{array} \quad (2)$$

- Tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của toàn huyện được tổng hợp từ số hộ chăn nuôi trong kỳ của khu vực thành thị và nông thôn theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi vật nuôi} \\ \text{trong kỳ điều tra} \\ \text{khu vực thành thị} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi trong kỳ điều tra} \\ \text{của các địa bàn có} \\ \text{chăn nuôi khu vực} \\ \text{thành thị của huyện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn nuôi} \\ \text{vật nuôi trong kỳ điều} \\ \text{tra của các địa bàn mẫu} \\ \text{khu vực thành thị} \\ \text{(\%)} \end{array} \quad (3)$$

Trong công thức (3):

+ Tổng số hộ có chăn nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn có chăn nuôi khu vực thành thị của huyện: Được tính toán trên cơ sở báo cáo ước tính số hộ của các phường, thị trấn hoặc từ các nguồn điều tra khác của ngành thống kê.

+ Tỷ lệ hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn mẫu khu vực thành thị: Được tính toán trên cơ sở tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra chia cho tổng số hộ có chăn nuôi của các địa bàn mẫu được chọn để lập bảng kê của huyện.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra khu vực} \\ \text{nông thôn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ nông} \\ \text{thôn trên địa bàn} \\ \text{huyện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn nuôi} \\ \text{vật nuôi trong kỳ điều tra} \\ \text{của các địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \\ \text{(\%)} \end{array} \quad (4)$$

Trong công thức (4):

+ Tổng số hộ nông thôn trên địa bàn huyện: Được tính toán trên cơ sở báo cáo ước tính số hộ của các xã hoặc từ các nguồn điều tra của ngành thống kê.

+ Tỷ lệ hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn mẫu khu vực nông thôn: Được tính toán trên cơ sở tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra chia cho tổng số hộ của các địa bàn mẫu được chọn để lập bảng kê của huyện.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra của các} \\ \text{địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi loại vật nuôi} \\ \text{của các địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ} \\ \text{của các địa bàn} \\ \text{mẫu khu vực nông} \\ \text{thôn} \end{array} \quad (5)$$

Do việc lập bảng kê các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ (Bảng kê số 01/BK-HO-CN) tại các địa bàn mẫu chỉ thực hiện vào kỳ điều tra 01/01 nên quy ước: Số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/01 bằng (=) số hộ có chăn

nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/4 bằng (=) số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/7 bằng (=) số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/10.

b.2) Suy rộng sản lượng sản phẩm chăn nuôi

(1) Suy rộng sản lượng thịt lợn, gà, vịt, ngan hơi xuất chuồng

Sản lượng thịt hơi được tính toán đối với các hộ theo từng nhóm quy mô nuôi vật nuôi tương ứng, ví dụ: hộ nuôi lợn từ 1 đến 9 con, 10 đến 29 con,.....

Công thức tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng trọng} \\ \text{lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân 1 con vật nuôi} \\ \text{của mẫu điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều} \\ \text{tra} \end{array} \quad (6)$$

Trong công thức (6):

$$\begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân 1 con vật nuôi} \\ \text{của mẫu điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng trọng lượng} \\ \text{thịt hơi vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng của các hộ} \\ \text{mẫu trong kỳ điều tra} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng của} \\ \text{các hộ mẫu} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \quad (7)$$

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng bình quân} \\ \text{một hộ mẫu trong} \\ \text{kỳ điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi vật} \\ \text{nuôi trong kỳ} \\ \text{điều tra} \end{array} \quad (8)$$

Tổng số hộ chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra: được xác định là số hộ nuôi loại vật nuôi theo từng nhóm tương ứng, như: số hộ nuôi lợn quy mô từ 1 đến 9 con; số hộ nuôi gà quy mô dưới 50 con,.....

(2) Suy rộng sản lượng thịt trâu, bò hơi và vật nuôi khác (ngoài lợn, gà, vịt, ngan) xuất chuồng

- Thông tin về sản lượng thịt hơi

$$\begin{array}{l} \text{Tổng trọng} \\ \text{lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân một vật nuôi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \quad (9)$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt} \\ \text{hơi xuất chuồng} \\ \text{bình quân} \\ \text{một vật nuôi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng trọng lượng} \\ \text{thịt hơi vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng trong kỳ điều} \\ \text{tra của các hộ mẫu} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \\ \text{của các hộ mẫu} \end{array} \quad (10)$$

$$\begin{array}{c} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Tỷ lệ vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng của các} \\ \text{hộ mẫu (\%)} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Tổng số} \\ \text{vật nuôi} \\ \text{hiện có} \end{array} \quad (11)$$

$$\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng của} \\ \text{các hộ mẫu (\%)} \end{array} = \left[\begin{array}{c} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng của} \\ \text{các hộ mẫu} \end{array} : \begin{array}{c} \text{Tổng số vật} \\ \text{nuôi hiện có} \\ \text{của các hộ mẫu} \end{array} \right] \times 100 \quad (12)$$

- Thông tin về sản lượng tổ yến (yến sào)

$$\begin{array}{c} \text{Sản lượng tổ} \\ \text{yến (yến sào)} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Sản lượng tổ yến thu} \\ \text{hoạch bình quân 1000} \\ \text{m}^2 \text{ của hộ mẫu trong} \\ \text{01 tháng} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Tổng diện tích sản} \\ \text{thu hoạch tổ yến} \\ \text{của các hộ trong} \\ \text{12 tháng qua} \end{array} \quad (13)$$

Trong đó:

$$\begin{array}{c} \text{Sản lượng tổ yến} \\ \text{thu hoạch bình quân} \\ \text{1000 m}^2 \text{ của 01 hộ} \\ \text{mẫu trong 01 tháng} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Sản lượng thu hoạch tổ yến} \\ \text{trong 12 tháng qua của các} \\ \text{hộ mẫu} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Diện tích sản cho thu hoạch} \\ \text{tổ yến của các hộ mẫu trong} \\ \text{12 tháng qua} \end{array}} \times 1000 \quad (14)$$

Tổng diện tích sản thu hoạch tổ yến của các hộ trong 12 tháng qua: Khai thác thông tin từ mục 7, phần III của Phiếu số 03-N/ĐTCN-THON, đơn vị tính: 1000 m².

(3) Suy rộng sản lượng trứng, sữa

$$\begin{array}{c} \text{Tổng sản lượng} \\ \text{sản phẩm thu được} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Tổng sản lượng sản} \\ \text{phẩm thu được bình} \\ \text{quân 01 vật nuôi} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{cho thu sản phẩm} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \quad (15)$$

Trong công thức (15)

- Tổng sản lượng sản phẩm thu được bình quân 01 vật nuôi trong kỳ điều tra: là số lượng trứng thu được bình quân một loại gia cầm đẻ trứng (gà đẻ trứng, vịt đẻ trứng,...), sản lượng sữa thu được bình quân một vật nuôi cho sữa (bò cái sữa sinh sản,...).

- Tổng số vật nuôi cho thu sản phẩm trong kỳ điều tra: là tổng số gà đẻ trứng, tổng số vịt đẻ trứng, tổng số bò cái sữa sinh sản,...

c) Tổng hợp kết quả điều tra

(1) Tổng hợp số liệu về số đầu con vật nuôi

$$\begin{array}{l} \text{Tổng đàn, từng} \\ \text{loại vật nuôi của} \\ \text{toàn huyện/tỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng đàn từng} \\ \text{loại vật nuôi từ} \\ \text{điều tra toàn bộ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng đàn từng loại} \\ \text{vật nuôi suy rộng từ} \\ \text{điều tra chọn mẫu} \end{array} \quad (16)$$

(2) Tổng hợp số liệu về sản lượng sản phẩm từng loại vật nuôi

$$\begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại} \\ \text{của toàn tỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại từ} \\ \text{điều tra toàn bộ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại} \\ \text{thu được từ điều} \\ \text{tra chọn mẫu} \end{array} \quad (17)$$

3. Biểu đầu ra kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp thành các biểu số liệu, trình bày kết quả điều tra chăn nuôi theo từng kỳ điều tra và các biểu tổng hợp phục vụ báo cáo kết quả hoạt động chăn nuôi trên địa bàn toàn quốc và địa phương, bao gồm:

- Biểu kết quả về số lượng vật nuôi tại thời điểm điều tra.
- Biểu kết quả về sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.
- Biểu kết quả về giá bán sản phẩm bình quân.
- Biểu kết quả về giá trị hoạt động dịch vụ chăn nuôi.
- Biểu kết quả về hoạt động thu hoạch tổ yến.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA²

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ³	Đơn vị phụ trách
1	Xây dựng Quyết định và Phương án điều tra	30/4 - 30/7/2021	Cục TTDL
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	30/5 - 30/8/2021	Cục TTDL, Vụ NLTS
3	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ	30/5 - 30/8/2021	Cục TTDL, Vụ NLTS
4	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn sử dụng các phần mềm và tài liệu khác	30/8 - 30/9/2021	Cục TTDL

² Các chữ viết tắt trong bảng: VPTC: Văn phòng Tổng cục; Vụ KHTC: Vụ Kế hoạch tài chính; Vụ NLTS: Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi CTK: Chi Cục Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

³ Các mục có số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11 thực hiện năm xây dựng và ban hành phương án; các mục còn lại theo năm điều tra.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ³	Đơn vị phụ trách
5	Thiết kế mẫu và chọn địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 15 ngày	Cục TTDL, Vụ NLTS
6	Rà soát địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 15 ngày	CTK, Chi CTK
7	Cập nhật bảng kê hộ	Trước thời điểm điều tra 15 ngày	CTK, Chi CTK
8	Xây dựng chương trình phần mềm và chọn mẫu hộ	Trước thời điểm điều tra 5 ngày	Cục TTDL
9	Xây dựng các chương trình phần mềm điều tra: CAPI; Trang Web điều hành (cập nhật bảng kê, chọn mẫu hộ; quản lý mạng lưới điều tra, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, tổng hợp kết quả điều tra, ...)	30/9 - 20/12/2021	Cục TTDL
10	In ấn tài liệu phục vụ tập huấn tại địa phương	11/2021	CTK
11	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương, cấp tỉnh	11/2021	Cục TTDL, VPTC, CTK
12	Thu thập thông tin tại địa bàn	15 ngày bắt đầu từ thời điểm điều tra	CTK, Chi CTK
13	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin	CTK, Chi CTK
14	Xử lý số liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin	Cục TTDL, Vụ NLTS
15	Báo hoàn thành, gửi biểu tổng hợp, báo cáo phân tích về TCTK	Theo thời gian quy định của kỳ điều tra	CTK
16	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Sau 15 ngày nhận dữ liệu của CTK	Vụ NLTS

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) chủ trì thực hiện xây dựng phương án điều tra, phiếu điều tra, xây dựng các yêu cầu về thuật toán lô-gíc để kiểm tra dữ liệu, xây dựng quy trình kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra; biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; hoàn thiện các hướng dẫn sử dụng thiết bị thông minh; hướng dẫn công tác chọn mẫu và cập nhật bảng kê, xây dựng các phần mềm ứng dụng, tập huấn, kiểm tra, giám sát điều tra, duyệt số liệu và chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện toàn bộ quy trình thu thập và xử lý thông tin, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng về chất lượng dữ liệu của cuộc điều tra.

Cục TTDL chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ thu thập và tổng hợp kết quả điều tra, xây dựng các tài liệu tập huấn nghiệp vụ, tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin và các tài liệu khác có liên quan, tổ chức tập huấn, thu thập dữ liệu, xây dựng các chương trình, phần mềm ứng dụng, quản lý mạng lưới điều tra, kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến, xây dựng các phần mềm tổng hợp kết quả điều tra, phần mềm giám sát trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình điều tra. Kiểm tra, làm sạch dữ liệu và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, biểu đầu ra.

2. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: Chủ trì thực hiện xây dựng biểu đầu ra, phân tích số liệu, biên soạn báo cáo và công bố kết quả điều tra.

3. Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL dự trù và đảm bảo kinh phí điều tra; hướng dẫn định mức chi tiêu cho các đơn vị sử dụng kinh phí điều tra; cấp phát kinh phí; hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp và duyệt báo cáo quyết toán tài chính của các đơn vị.

4. Văn phòng Tổng cục Thống kê: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp Trung ương, thực hiện công tác giám sát, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

5. Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì, tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm được phê duyệt.

6. Cục Thống kê cấp tỉnh: Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra tại các địa bàn điều tra được chọn từ bước rà soát địa bàn, cập nhật bảng kê; tuyển chọn; tập huấn cho điều tra viên (ĐTV) và giám sát viên cấp tỉnh, huyện; điều tra thực địa; giám sát, kiểm tra việc tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; nghiệm thu phiếu điều tra.

Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra và quản lý, sử dụng kinh phí điều tra thuộc địa phương mình quản lý.

Trong thời gian điều tra, Cục Thống kê cấp tỉnh phân công người đã được tập huấn nghiệp vụ trực tiếp xuống địa bàn kiểm tra, giám sát ĐTV.

Cục Thống kê cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên, tranh thủ sự chỉ đạo và tạo điều kiện của Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra tại các địa bàn điều tra.

7. Chi Cục Thống kê cấp huyện: Có nhiệm vụ hướng dẫn ĐTV thực hiện nhiệm vụ; tham gia giám sát công tác điều tra ở địa bàn; kiểm tra và duyệt số liệu phiếu điều tra theo phân công của Cục Thống kê cấp tỉnh.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra chăn nuôi do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra chăn nuôi theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành./.